

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA H'DRAI
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HS-ST

Ngày: 09/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA H'DRAI TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phú Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đông Văn Sơn và bà Lò Thị Sai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia H'Drai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Việt Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử hình sự, Tòa án nhân dân huyện Ia H'Drai đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2020/TLST-HS ngày 30/7/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST - HS ngày 26 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

- Triệu Sinh T; tên gọi khác: Không. Sinh ngày: 04 tháng 11 năm 1998, tại Võ Nhai - Thái Nguyên. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 7, xã I, huyện I, tỉnh K. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Triệu Văn T, sinh năm 1975 và bà Đặng Thị H, sinh năm 1976 hiện đều làm công nhân cao su và sống tại thôn 7, xã I, huyện I, tỉnh K. Gia đình bị cáo có hai chị em, bị cáo là con út trong gia đình. Tiền án: 01 tiền án (Ngày 24/10/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Ia H'Drai tuyên phạt 08 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong hình phạt, nhưng chưa được xóa án tích). Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2020 đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Trọng Đ và bà Nguyễn Thị N. Cùng trú tại: Thôn 7, xã I, huyện I, tỉnh K.

Bà Nguyễn Thị N ủy quyền cho ông Nguyễn Trọng Đ tham gia tố tụng (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/8/2020) (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 27/8/2020).

2. Ông Phạm Văn C. Nơi cư trú: Thôn 7, xã I, huyện I, tỉnh K. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 08/9/2020)

3. Bà Xen Thị T và ông Vi Văn N. Nơi cư trú: Thôn 7, xã I, huyện I, tỉnh

K.

Ông Vi Văn N ủy quyền cho bà Xen Thị T tham gia tố tụng (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/8/2020) (Có mặt).

4. Ông Lương Văn O và bà Vi Thị H. Cùng trú tại: Thôn 7, xã I, huyện I, tỉnh K.

Bà Vi Thị H ủy quyền cho ông Lương Văn O tham gia tố tụng (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/8/2020) (Có mặt).

5. Bà Ksor HT và ông Vi Văn N. Cùng trú tại: Thôn 2, xã I, huyện I, tỉnh K.

Ông Vi Văn N ủy quyền cho bà Ksor HT tham gia tố tụng (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/8/2020) (Có mặt).

6. Ông Kha Văn T. Nơi cư trú: Thôn 7, xã I, huyện I, tỉnh K.

Ông Kha Văn T ủy quyền cho bà Vi Thị D tham gia tố tụng (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/8/2020) (Có mặt).

- *Người có quyền nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Bá C. Nơi cư trú: Xã I, huyện I, tỉnh G. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 27/8 2020).

2. Ông Vũ Văn T. Nơi cư trú: Thôn 7, xã I, huyện I, tỉnh K (Vắng mặt. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 02/9/2020)

3. Ông Triệu Văn T. Nơi cư trú: Thôn 7, xã I, huyện I, tỉnh K. (Có mặt).

4. Ông Phan Ngọc Q. Nơi cư trú: Thôn 1, xã I, huyện I, tỉnh K. (Vắng mặt. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 06/9/2020)

5. Ông Phạm Xuân T. Nơi cư trú: Thôn 7, xã I, huyện I, tỉnh K.

Ông Phạm Xuân T ủy quyền cho ông Phạm Văn C tham gia tố tụng (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/8/2020) (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 08/9/2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Triệu Sinh T, SN 1998, trú tại Thôn 7, xã I, huyện I là đối tượng nghiện ma túy; vì muốn có tiền để mua ma túy về sử dụng và tiêu xài cá nhân nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người dân trên địa bàn huyện để bán lấy tiền. Trong khoảng thời gian từ ngày 10/3/2020 đến ngày 03/4/2020 Triệu Sinh T đã thực hiện tất cả bảy lần trộm cắp tài sản. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào lúc 14 giờ ngày 10/03/2020 T đi từ nhà qua lô cao su phía sau nhà anh K thấy có 01 xe máy độ chế ở vườn Điều, quan sát không có ai T đã lấy xe và chạy ra ngoài Sân 4, xã I, huyện I, G và bán cho anh Nguyễn Bá C (chủ tiệm sửa xe Hoàng Cầu) với giá 600.000đ. Sau đó, bố ruột của T là ông Triệu Văn T đã ra chuộc lại và trả xe cho anh Nguyễn Trọng Đ – là chủ xe mà T đã lấy trộm nên anh Đ đã không trình báo vụ việc.

Lần thứ hai: Vào lúc 14 giờ ngày 12/03/2020 T đi vào lô cao su thuộc Tổ 6, Nông trường I Công ty Cao su Chư Moray thấy anh Phạm Văn C, trú tại Thôn 7, xã I đang điều khiển xe máy độ chế chạy qua, T bám theo sau và khi anh C để xe ở lô cao su để đi xuống vườn Điều thì T đã lấy xe và đem đi bán tuy nhiên sau đó đã bị anh C phát hiện và phối hợp với Đoàn Biên phòng Sê San bắt giữ đưa về trụ sở viết bản cam kết và giải quyết nội bộ với nhà anh C.

Lần thứ ba: Vào lúc 07 giờ 45 phút ngày 27/03/2020 trong lúc nhà chị Xên Thị T ở Thôn 7, xã I đi vắng T đã trèo qua cửa bếp và lấy đi 01 máy cưa xăng nhãn hiệu FUJIKAWA 5200 màu trắng xanh, 01 lam cưa dài 60cm, 01 sên cưa cuộn tròn dài 130cm mang đi bán cho anh Vũ Văn T ở Thôn 7, xã I, huyện I với giá 500.000đ; ngoài ra còn lấy 01 giấy đăng ký xe mô tô của nhà chị T cất trong người.

Lần thứ bốn: Vào lúc 08 giờ ngày 30/03/2020 T tiếp tục qua nhà chị T, thấy không có ai T đã lấy 01 xe máy độ chế và chạy ra tiệm sửa xe Quang Kiều tại Thôn 1, xã I và bán cho anh Phan Ngọc Q với giá 600.000đ kèm theo giấy đăng ký xe mà T đã lấy trước đó để làm tin xe có giấy tờ. Ngày 31/03/2020 chị Th đã có đơn trình báo về vụ việc gửi Công an xã I.

Lần thứ năm: Vào lúc 09 giờ ngày 02/04/2020 T qua nhà chị gái ở Thôn 7, xã I, huyện I, khi qua nhà anh Lương Văn O thấy không có ai ở nhà nên đã đi vào và lấy 01 xe máy độ chế, trên đường đi tiêu thụ thì bị lực lượng Công an xã Ia Toi phát hiện và đưa về trụ sở làm việc. Cùng ngày Công an xã Ia Toi đã chuyển hồ sơ vụ việc và vật chứng đã thu giữ cho Công an huyện Ia H'Drai để giải quyết theo thẩm quyền.

Lần thứ sáu: Vào lúc 12 giờ ngày 03/04/2020 T đi qua nhà anh Ngân Văn S ở Thôn 7, xã Ia T thấy 01 xe máy BKS 82B1-613.79 nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS màu đỏ đen, vẫn còn chìa khóa trên xe, nhân lúc mọi người trong nhà đang ngủ trưa T đã lấy xe và chạy vào Thôn 2, xã I, huyện I để bán nhưng sau đó bị con trai anh S phát hiện, đuổi theo và lấy lại xe về còn T bỏ chạy.

Lần thứ bảy: Vào lúc 15 giờ ngày 03/04/2020 khi chạy qua nhà một người dân ở Thôn 2, xã I thấy có 01 xe máy độ chế ở phía ngoài và không có ai ở nhà nên T đã vào và lấy xe chạy lên tiệm sửa xe Bảo Tuấn ở Thôn 1, xã I để bán nhưng chưa kịp bán thì bị lực lượng Công an huyện bắt khẩn cấp và đưa về trụ sở làm việc. Sau đó T bị tạm giữ từ 19 giờ 00 phút ngày 03/04/2020 đến 19 giờ 00 phút ngày 09/04/2020.

Ngày 09/04/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện đã ra Quyết định Khởi tố vụ án số 06/QĐ và ra Quyết định Khởi tố bị can số 02/QĐ đối với Triệu Sinh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo Điều 173 BLHS và tiến hành điều tra theo thẩm quyền. Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Triệu Sinh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 09/2020/KL-HĐĐG ngày 07/4/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Ia H'Drai kết luận: Tổng giá trị các loại tài sản trưng cầu Hội đồng định giá là 17.380.000 đồng (Mười bảy triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng).

Tại Cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 30 tháng 7 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia H'Drai đã truy tố bị cáo Triệu Sinh T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Khẳng định bị cáo Triệu Sinh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là phù hợp với lời khai của bị cáo trước đây tại cơ quan điều tra, hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Triệu Sinh T về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, khoản 1 Điều 52 BLHS để xử phạt bị cáo Triệu Sinh T từ 30 đến 34 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giữ, tạm giam 03/4/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại không yêu cầu gì đối với bị cáo. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan Ông Triệu Văn T không có yêu cầu gì vì là bố ruột của T nên không đề cập giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 xe máy độ chế không có BKS, giấy tờ xe, số khung: RDDWCHEPD7A009033, số máy RPTD5152FMH00128857, nhãn hiệu TECHHICROONEY của anh Nguyễn Trọng Đ; 01 xe máy độ chế không có BKS, giấy tờ xe, số khung: VFCOGO12FCOO3351; số máy 1P50FMG-310384993, nhãn hiệu MING XIN của bà KsorHT; 01 xe máy độ chế, không có BKS, giấy tờ xe, số khung: RLGSC10BH8H509743, không xác định được số máy, nhãn hiệu FANTOM của anh Phạm Văn C; 01 xe máy độ chế không có BKS, giấy tờ xe, số khung: RRHWCH1RH6A11346; số máy: VMSACP-H091412; nhãn hiệu SYM của anh Lương Văn Ó; 01 xe máy độ chế BKS: 99L2-6370, số khung: RPAWCH3HY7A001211; số máy: MH-360066302 của chị Xen Thị T.

Đối với số tiền 1.100.000 đồng là tiền do phạm tội mà có nên buộc bị cáo có nghĩa vụ nộp lại số tiền này vào ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi của mình theo đúng Cáo trạng truy tố. Bị cáo nhất trí với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến gì.

Những người bị hại, người có quyền nghĩa vụ liên quan đều nhất trí với nội dung bản Cáo trạng truy tố đối với bị cáo và không có ý kiến gì khác.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của mình là sai trái. Mong Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của bị cáo, và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Ia H'Drai, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên huyện Ia H'Drai trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, những người bị hại là ông Nguyễn Trọng Đ, ông Phạm Văn C, người có quyền nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Bá C, Vũ Văn T, Phan Ngọc Q, Phạm Văn C vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của những người bị hại, người có quyền nghĩa vụ liên quan không gây trở ngại cho việc xét xử, họ đã có đơn xin xét xử vắng mặt và có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án. Vì vậy HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Trong khoảng thời gian từ ngày 10/03/2020 đến ngày 03/04/2020 bị cáo đã có hành vi lợi dụng sơ hở mất cảnh giác, không có người trông coi tài sản, lén lút lấy đi số tài sản gồm 06 xe máy cùng 01 giấy đăng ký xe mô tô và 01 cửa xăng, 01 lam cửa, 01 cuộn sơn cửa của gia đình các bị hại là anh Nguyễn Trọng Đ, anh Phạm Văn C, chị Xen Thị T, anh Kha Văn T, anh Lương Văn O, chị Ksor HT đều đang sinh sống trên địa bàn huyện I với tổng giá trị tài sản là 17.380.000đ (*Mười bảy triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng*).

Trong bảy lần trộm cắp tài sản có một lần giá trị tài sản bị trộm cắp là 01 xe SIRIUS được định giá 14.860.000đ (*Mười bốn triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng*) nên đã đủ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Triệu Sinh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS. Đối với các lần thực hiện hành vi phạm tội còn lại mặc dù giá trị tài sản của từng lần bị xâm phạm đều dưới định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự tuy nhiên bị cáo có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nên các lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đó đều là phạm tội và phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo tổng giá trị tài sản của các lần bị xâm phạm. Do đó, tổng hợp hành vi và hậu quả, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS như Cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia H'Drai truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu đã lén lút chiếm đoạt tài sản với mục đích tiêu xài cá nhân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức rõ hành vi của mình là sai trái nhưng vẫn bất chấp, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum kết án 8 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Bản án này chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội. Hành vi của bị cáo thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Bị cáo có nhân thân xấu, sau khi ra tù không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội, gây tâm lý hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, buộc phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS nên áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Quá trình thực hiện các lần trộm cắp của bị cáo, có một lần trộm cắp tài sản là 01 xe SIRIUS được định giá 14.860.000 đồng, đã đủ định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS. Đối với các lần thực hiện hành vi phạm tội còn lại tuy giá trị tài sản của từng lần bị xâm phạm đều dưới định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nên bị xem là phạm tội hai lần trở lên. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

[5] Ngoài ra, trong vụ án có ông Phan Ngọc Q, ông Vũ Văn T, ông Nguyễn Bá C có mua, nhận cầm cố tài sản của bị cáo. Tuy nhiên, ông Q, ông T, ông C hoàn toàn không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý về hình sự hành vi này là có cơ sở nên không đề cập.

Đối với hành vi mua, bán trái phép chất ma túy của các đối tượng với Triệu Sinh T, Cơ quan CSĐT đã tiến hành điều tra nhưng chưa xác định được các đối tượng này nên sẽ tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại, người có quyền nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì về dân sự đối với bị cáo nên không xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra Cơ quan CSĐT đã xác định và thu giữ vật chứng gồm:

01 xe máy độ chế không có BKS, giấy tờ xe, số khung: RDDWCHEPD7A009033, số máy RPTD5152FMH00128857, nhãn hiệu TECHHICROONEY của anh Nguyễn Trọng Đ.

01 xe máy độ chế không có BKS, giấy tờ xe, số khung: VFCOGO12FCOO3351; số máy 1P50FMG-310384993, nhãn hiệu MING XIN của bà Ksor HT.

01 xe máy độ chế, không có BKS, giấy tờ xe, số khung: RLGSC10BH8H509743, không xác định được số máy, nhãn hiệu FANTOM của anh Phạm Văn C.

01 xe máy độ chế không có BKS, giấy tờ xe, số khung: RRHWCH1RH6A11346; số máy: VMSACP-H091412; nhãn hiệu SYM của anh Lương Văn O.

01 xe máy độ chế BKS: 99L2-6370, số khung: RPAWCH3HY7A001211; số máy: MH-360066302 của chị Xen Thị T.

Qua điều tra xác minh đã xác định được tất cả các xe vật chứng thu giữ đều là xe độ chế, không đăng ký, đăng kiểm theo quy định; không đảm bảo an toàn khi lưu thông, Nhà nước cấm lưu hành nhưng vẫn còn giá trị định giá theo sát vụn nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước là phù hợp.

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu SIRIUS, BKS: 82B1-613.79, số máy E3T6290346, số khung 1710HY197599 đã qua sử dụng của anh Kha Văn T; 01 máy cửa xăng nhãn hiệu FUJIKAWA 5200 màu trắng xanh, 01 lam cửa dài 60cm, 01 cuộn sên cửa dài 130cm đều đã qua sử dụng; 01 giấy đăng ký xe mang tên Phan Thị B của chị Xen Thị T: Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp. Xét thấy việc trả lại tài sản là có là có căn cứ nên không đề cập.

Đối với số tiền 1.700.000 đồng bị cáo bán tài sản trộm cắp mà có được: Ông Triệu Văn T có đề nghị cho bị cáo số tiền mà ông T dùng để chuộc xe là 600.000 đồng. Còn 1.100.000 đồng do phạm tội mà có nên buộc bị cáo có nghĩa vụ nộp lại số tiền này vào ngân sách Nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố: Bị cáo Triệu Sinh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.
- Xử phạt: Bị cáo Triệu Sinh T 32 (*Ba mươi hai*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 03/4/2020.
- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 xe máy độ chế không có BKS, giấy tờ xe, số khung: RDDWCHEPD7A009033, số máy RPTD5152FMH00128857, nhãn hiệu TECHHICROONEY của anh Nguyễn Trọng Đ; 01 xe máy độ chế không có BKS, giấy tờ xe, số khung: VFCOGO12FCOO3351; số máy 1P50FMG-310384993, nhãn hiệu MING XIN của bà KsorHT; 01 xe máy độ chế, không có BKS, giấy tờ xe, số khung: RLGSC10BH8H509743, không xác định được số máy, nhãn hiệu FANTOM của anh Phạm Văn C; 01 xe máy độ chế không có BKS, giấy tờ xe, số khung: RRHWCH1RH6A11346; số máy: VMSACP-H091412; nhãn hiệu SYM của anh

Lương Văn O; 01 xe máy độ chế BKS: 99L2-6370, số khung: RPAWCH3HY7A001211; số máy: MH-360066302 của chị Xen Thị T.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/8/2020 của Công an huyện Ia H'Drai với Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia H'Drai).

Buộc bị cáo nộp lại số tiền 1.100.000 đồng do phạm tội mà có để sung ngân sách Nhà nước.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Triệu Sinh T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/9/2020) bị cáo, bị hại, người có quyền nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án để xin xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm. Riêng đối với bị hại, người có quyền nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại; Người có QNVLQ;
- VKSND huyện I;
- VKSND tỉnh K;
- CCTHA DS huyện I;
- Công an huyện I;
- TAND tỉnh K;
- TAND cấp cao tại Đ;
- Vụ Giám đốc kiểm tra - TANDTC;
- Sở tư pháp tỉnh K;
- Phòng hồ sơ PV27 công an tỉnh Kon Tum;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phú Lợi